

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khóa I chuyên ngành Da liễu cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Da liễu cập nhật năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: Hà

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH DA LIỄU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 302 /QĐ-ĐHYD ngày 17 tháng 2 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Da liễu*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Dermatology*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa I*
6. Ngành đào tạo: *Da liễu*
7. Mã ngành đào tạo: *CK 607235*
8. Thời gian đào tạo: *3 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung theo đợt*
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Da liễu*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Dermatology*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tầm nhìn	Luật Giáo dục ĐH
I. Kiến thức				
PEO1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x		x

II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng chẩn đoán, điều trị và một số thủ thuật, kỹ thuật trong một số bệnh da liễu thường gặp. Phát hiện, định hướng chẩn đoán, xử trí ban đầu, chuyển tuyến các bệnh da liễu khó, hiếm gặp.	x		x
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 4	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	
PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán và điều trị, dự phòng được các bệnh Da liễu thường gặp.		x
II. Kỹ năng			
PLO 3	Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật khám, Chẩn đoán và điều trị được các bệnh Da liễu thường gặp.		

PLO 4	Thực hiện được một số thủ thuật để điều trị các bệnh da thường gặp.		x
PLO 5	Chỉ định và phân tích được kết quả cận lâm sàng phục vụ chẩn đoán, điều trị, tiên lượng các bệnh Da liễu thường gặp.		x
PLO 6	Chẩn đoán, xử trí ban đầu và chuyển tuyến được đối với các bệnh Da liễu khó, hiếm gặp.		x
PLO 7	Giao tiếp và phối hợp được với các đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 8	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	x	
PLO 9	Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành Da liễu	x	
PLO 10	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	x	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
PEO 1	✓							✓	✓	✓
PEO 2		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
PEO 3		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PEO 4							✓	✓	✓	✓

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Điều kiện tuyển sinh chung

- Có đủ sức khỏe học tập và công tác theo quy định.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Không giới hạn tuổi dự thi.
- Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời gian.

2. Điều kiện về văn bằng và kinh nghiệm/thâm niên công tác

Văn bằng/Chứng chỉ	Kinh nghiệm/thâm niên công tác
<ul style="list-style-type: none">- Có Bằng đại học ngành/chuyên ngành đúng/ phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi.- Các bác sĩ làm việc liên tục trong ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi trước ngày 01/01/2021(ngày Thông tư 41/2021/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi ngành/chuyên ngành đang làm việc.	<ul style="list-style-type: none">- Có chứng chỉ hành nghề đúng với ngành/chuyên ngành dự tuyển (Đối với các lĩnh vực cần có chứng chỉ hành nghề).- Có chứng chỉ hành nghề không đúng với ngành/chuyên ngành dự tuyển: cần có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị thâm niên công tác trong ngành/chuyên ngành dự tuyển tối thiểu 01 năm kể từ khi có chứng chỉ hành nghề.

3. Điều kiện tốt nghiệp

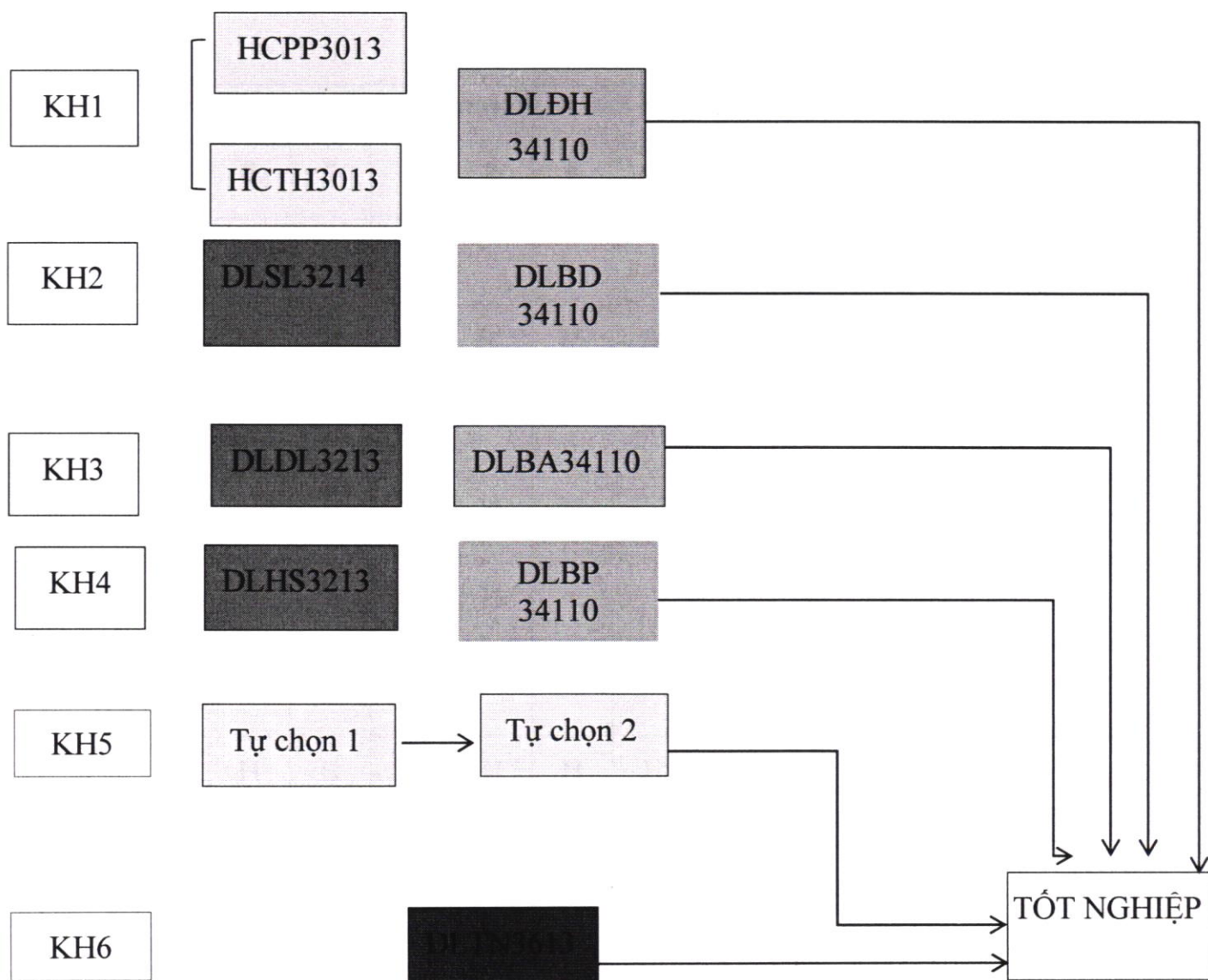
- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ.
- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I.	Khối kiến thức cơ bản: 6 (8,6%)									
1.1	Học phần bắt buộc: 6									
1.	HCTH3013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2.	HCPP3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				1
II.	Khối kiến thức cơ sở ngành 10 (14,3%)									
2.1	Học phần bắt buộc: 10									
3.	DL3214	Sinh lý bệnh Miễn dịch	4 (3/1)	30	30	125				2
4.	DL3213	Dược lâm sàng	3 (2/1)	30	0	55				3
5.	DL3213	Hồi sức cấp cứu	3 (2/1)	30	30	90				4
III.	Khối kiến thức chuyên ngành 51 (72,8%)								HP I, II	
3.1	Học phần bắt buộc: 40									
6.	DLĐH 34110	Định hướng chuyên ngành	10 (3/7)	45	210	245				1
7.	DLBD 34110	Bệnh da vi – ký sinh trùng	10 (3/7)	45	210	245		DLĐH 34110		2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
8.	DLBA 34110	Bệnh da miễn dịch dị ứng	10 (3/7)	45	210	245		DLĐH 34110 DLSL3214		3
9.	DLBP 34110	Bệnh phong và các bệnh lây truyền qua đường tình dục	10 (3/7)	45	210	245		DLĐH 34110		4
3.2	Học phần tự chọn: 11 (<i>chọn một học phần 7 TC, 1 học phần 4 TC</i>)									
10.	DLBK3517	Bệnh da khác	7 (2/5)	30	150	170		DLĐH 34110		5
11	DLCS3517	Chăm sóc da thẩm mỹ	7 (2/5)	30	150	170		DLĐH 34110		5
12	DLUD3514	Ứng dụng laser- ánh sáng trong điều trị bệnh Da liễu	4 (1/3)	15	90	95		DLĐH 34110		5
IV. Tốt nghiệp: 3 (4,3%)										
13.	DLTN3613	Tốt nghiệp	3 (1/2)	15	60	75		Kết thúc các HP		6

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



Ghi chú:

- Khối kiến thức chung
- Khối kiến thức Cơ sở/hỗ trợ
- Ôn và thi Tốt nghiệp
- Khối kiến thức chuyên ngành
- Khối kiến thức tự chọn

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	HCTH3013	M	L					L	L	L	
2	HCPP3013	H	M	M	M	M	M	M	M	M	
3	DL3214		M	M			M				
4	DL3213		H		H	H		H		M	
5	DL3213		H			H			H		
6	DL4110			M	M	M	L	M	M	M	M
7	DL4110			H	H	H	M	H	H	H	M
8	DL4110			H	H	H	M	H	H	H	M
9	DL4110			M	M	M	M	M	M	M	
10	DL3517			M	M	M	M	M	M	M	
11	DL3517				M	M					
12	DL3514				M	M					
13	DL3613	H	H	H	H	H	M	H	H	H	M

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	PLO 1	PL O 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10
Thuyết trình	✓							✓	✓	✓
Báo cáo ca bệnh (Giao ban đi buồng, thảo luận ca lâm sàng hằng ngày)		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Làm bài tập nhóm		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Học bên giường bệnh (Thực hành khám và tư vấn trên bệnh nhân)		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Hướng dẫn thủ thuật (kiến tập)		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thực hành thủ thuật trên bệnh nhân		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	3,4,5,6,7,8,9,10	- Đi học > 80% buổi học, tham gia tích cực các hoạt động trên lớp. - Hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng >80% số lượng chỉ tiêu	10%

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
KTTXLT (Tự luận)	PLO 1,2	Làm bài đúng nội dung, đúng đáp án trình bày sạch đẹp.	10%
Thi GHP (Nghiên cứu ca bệnh; Đánh giá kỹ năng lâm sàng trên ca bệnh)	PLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	- Lập luận chặt chẽ đưa ra được chẩn đoán. - Phân tích được các dữ liệu cận lâm sàng đã có, ra quyết định cận lâm sàng cần làm để giúp chẩn đoán và điều trị. - Phân tích và cho phương pháp điều trị đúng với chẩn đoán - Trình bày sạch đẹp	30%
Thi KTHP (đánh giá chuyên đề)	1,2,7,8,9,10	- Trình bày sạch đẹp, đầy đủ đề mục theo hướng dẫn của phòng Sau đại học - Nội dung có tính cập nhật, chính xác. - Báo cáo rõ ràng, đủ thời gian. - Trả lời được câu hỏi.	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tự luận	✓							✓	✓	✓
Giải quyết tình huống/ ca bệnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Đánh giá chuyên đề	✓	✓					✓	✓	✓	✓
Đánh giá chỉ tiêu thực hành	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đánh giá lâm bệnh án nộp không hỏi thi	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Vấn đáp hỏi kỹ năng lâm sàng ra quyết định chẩn đoán điều trị và dự phòng tư vấn các bệnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHY Hà Nội		Trường ĐHY Dược, ĐHTN	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	17	17	06	8,6
Kiến thức cơ sở ngành	09	09	10	14,3
Kiến thức chuyên ngành	72	72	51	72,8
Tốt nghiệp	02	02	03	4,3
Tổng	100	100	70	100

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Lượng kiến thức chuyên ngành sâu rộng chuyên hóa.	Xây dựng chương trình đảm bảo cơ bản phù hợp chuyên ngành Da liễu
Cựu sinh viên	Cần thiết thực tập tại phòng khám, bệnh viện chuyên khoa Da liễu	Xây dựng mô hình chuẩn phòng khám chuyên khoa
Nhà tuyển dụng	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm.	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Giảng viên	Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Xây dựng thời lượng các môn học thực hành tăng lên

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

1. Học phần Triết học

Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản được giảng dạy ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản triết học gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước. Phương pháp dạy - học chủ yếu là: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá học phần là thi tự luận. Học phần này đóng góp vào CĐR1 (mức độ trung bình); CĐR 2,7,8,9 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo BSCKI chuyên ngành Da liễu.

2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành, Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ.

Học phần này đóng góp vào CDR 1 (mức độ cao), CDR 2,3,4,5,6,7,8,9 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI chuyên ngành Da liễu.

3. Học phần Sinh lý- Miễn dịch

Học phần Sinh lý bệnh – Miễn dịch thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy học ở kỳ học II của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh và các rối loạn miễn dịch để đưa ra hướng chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh Da liễu thường gặp. Đồng thời người học có thể thực hiện và phân tích được một số xét nghiệm cơ bản trong chẩn đoán một số bệnh dị ứng thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận (dựa vào ca lâm sàng), thực hành (theo bảng kiểm), thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: viết và báo cáo tiểu luận, chuyên đề, quan sát trực tiếp thực hành (sử dụng bảng kiểm). Học phần đóng góp vào các CDR của CTĐT, đặc biệt CDR 2, 3, 6 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI chuyên ngành Da liễu.

4. Học phần Dược lâm sàng

Học phần Dược lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy-học ở kỳ học III của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về Dược lâm sàng cơ bản. Chương trình lý thuyết bao gồm các nội dung cách tiếp cận với mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; các thông số dược động học cơ bản; tương tác thuốc; hiệu chỉnh liều ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận, các phản ứng bất lợi của thuốc, nguyên tắc sử dụng một số thuốc thông thường, Trong thực hành, học viên được hướng dẫn cách tính các thông số dược động học cơ bản như sinh khả dụng, thời gian bán thải, thể tích phân bố, hiệu chỉnh liều ở các đối tượng đặc biệt, phân tích những ca lâm sàng cụ thể liên quan đến sử dụng thuốc. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích tình huống lâm sàng tại phòng thực hành và bệnh viện, kỹ năng tìm kiếm thông tin thuốc và cảnh giác dược. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, MCQ, thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào CDR 2,4,5,7 (mức độ cao); CDR 9 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

5. Học phần Hồi sức cấp cứu

Học phần Hồi sức cấp cứu thuộc kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở học kỳ 4. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong chẩn đoán,

xử trí một số cấp cứu nội khoa. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh. Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, vấn đáp theo bảng kiểm dựa trên bệnh án, chấm chuyên đề. Học phần này đóng góp vào CĐR số 2,5,8 (mức độ cao) của chương trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành da liễu.

6. Học phần Định hướng chuyên ngành

Học phần Định hướng chuyên ngành thuộc kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về da liễu chung trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý da liễu thường gặp nhất trong cộng đồng. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, bài tập tình huống, kỹ năng tay nghề. Học phần này đóng góp vào CĐR 3, 4, 5,7, 8,9 10 (mức độ trung bình); CĐR 6 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo BSCKI chuyên ngành Da liễu

7. Học phần Bệnh Vi kí sinh trùng

Học phần Bệnh Vi kí sinh trùng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung bệnh lý về bệnh da do vi kí sinh gây ra, bao gồm các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất trong dự phòng, chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng. Học phần trang bị cho người học kỹ năng lấy, lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm, và hướng dẫn đồng nghiệp, thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật thực tế trên bệnh nhân. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, bài tập tình huống, kỹ năng tay nghề. Học phần này đóng góp vào CĐR 3, 4, 5, 7, 8, 9 (mức độ cao); CĐR 6, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI chuyên ngành Da liễu

8. Học phần Bệnh da miễn dịch dị ứng

Học phần Bệnh da miễn dịch dị ứng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 3 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về dự phòng, chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh da miễn dịch thường gặp. Học phần còn trang bị cho người học

những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật trên bệnh nhân. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này đóng góp vào CDR 3, 4, 5, 7, 8, 9 (mức độ cao); CDR 6, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI chuyên ngành Da liễu

9. Học phần Bệnh phong và các bệnh LTQĐTD

Học phần Bệnh phong và các bệnh LTQĐTD là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 4 thuộc năm thứ 2. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về dự phòng, chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng một số bệnh lý phong và bệnh lây truyền quan hệ tình dục thường gặp. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật trên bệnh nhân. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này đóng góp vào CDR 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI chuyên ngành Da liễu

10. Học phần Bệnh da khác

Học phần Bệnh da khác là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong khám, chẩn đoán điều trị và dự phòng các bệnh lý da hiếm gặp. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật trên bệnh nhân. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học

phần này đóng góp vào CDR 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI chuyên ngành Da liễu

11. Học phần Chăm sóc da thẩm mỹ

Học phần Chăm sóc da thẩm mỹ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, chăm sóc một số bệnh lý về da. Học phần này còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật thực tế trên bệnh nhân. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này đóng góp vào CDR 4,5 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI chuyên ngành Da liễu.

12. Học phần ứng dụng laser-ánh sáng

Học phần Ứng dụng laser ánh sáng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, chăm sóc một số bệnh lý về da. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật thực tế trên bệnh nhân. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này đóng góp vào CDR 4,5 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI chuyên ngành Da liễu.

13. Học phần tốt nghiệp

Học phần tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 6 của CTĐT. Học viên được củng cố lại kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tay nghề. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đánh giá cao nhất trong học phần này. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật thực tế trên

bệnh nhân. Học phần này đóng góp vào CDR 1,2,3,4,5,7,8,9 (mức độ cao) và CDR 6,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI chuyên ngành Da liễu.

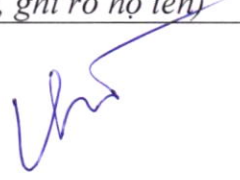

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có Giáo sư 02, PGS 15, TS 20, BsCKII và hơn 30 giảng viên trình độ thạc sĩ, CKI tham gia giảng dạy CTĐT này. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho học viên CK I. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn).

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Chỉnh sửa mục tiêu và chuẩn đầu ra theo hướng dẫn ban hành kèm theo CV số 1398/ĐHYD-TTKT	2/2022	 Nguyễn Thị Thu Hoài	 Trần Văn Tuấn

XVI. Thành phần phê duyệt

Ban giám hiệu



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

**Hội đồng Khoa/
Bộ môn**

Trần Văn Tuấn

**Tổ trưởng xây dựng/
rà soát**

Nguyễn Thị Thu Hoài

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH DA LIỄU

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

